

Số: .04./BC-MNST

Sín Thầu, ngày 23 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Về việc thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Quyết định số 23/QĐ - SGDDT ngày 10/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc kiểm tra việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT;

Trường Mầm non Sín Thầu báo cáo kiểm tra việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT như sau:

1. Việc ban hành và tổ chức thực hiện quy định về công khai

Nhà trường ban hành và tổ chức thực hiện quy định về công khai theo đúng quy định Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT: Có kế hoạch công khai hằng năm; Có quy chế công khai; Quyết phân công nhiệm vụ cho cá nhân và phụ trách bộ phận và kiện toàn ban chỉ đạo hằng năm.

Thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường: Có nội dung quyết định kiểm tra, kế hoạch, biên bản, báo cáo thực hiện công khai.

2. Nội dung công khai thông tin chung theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

a) Công khai thông tin về cơ sở giáo dục

Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Sín Thầu, xã Sín Thầu, tỉnh Điện Biên

Loại hình cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Sín Thầu, tỉnh Điện Biên

Địa chỉ trụ sở chính: Bản Tả Kổ Khừ - xã Sín Thầu, tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 0817791307

Địa chỉ thư điện tử: mnsinthau@gmail.com

Trang thông tin điện tử Website: <https://mnsinthau.muongnhe.edu.vn>

Quyết định thành lập trường Trường Mầm non Sín Thầu được thành lập theo Quyết định số: 705/QĐ-UBND ngày 06 tháng 06 năm 2007 của UBND huyện Mường Nhé.

- Sứ mạng, mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển.

*** Sứ mạng:**

Tạo dựng được môi trường giáo dục có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, để mỗi trẻ em đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân. Xây dựng trường học có tính kỉ luật lao động cao, biết thương yêu hỗ trợ

nhau, biết được nhiệm vụ của mỗi cá nhân để tư duy, sáng tạo, làm việc có hiệu quả, trung thực, khách quan trong việc thực thi nhiệm vụ.

Sứ mệnh

Xây dựng một môi trường giáo dục bền vững, an toàn, thân thiện, tận tâm, công bằng, dân chủ, nền nếp, kỷ cương, uy tín, chất lượng. Phát triển theo phương châm trẻ làm trung tâm trong quá trình nuôi dạy để trẻ được tự do, khám phá, trải nghiệm và có nhiều cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của trẻ gắn với phong trào thi đua xây dựng "Trường học thân thiện, học sinh tích cực". "Trẻ em hôm nay - Thế giới ngày mai"; " Tất cả vì học sinh thân yêu"

Tầm nhìn

Trường mầm non Sín Thầu phấn đấu luôn là một ngôi trường thân thiện, chất lượng và hiệu quả, Với phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng rèn luyện kỹ năng cho trẻ, giúp trẻ có những kỹ năng cơ bản

Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học và chú trọng xây dựng môi trường giáo dục Xanh - An toàn - Thân thiện - Hạnh phúc.

Nhà trường đạt chuẩn về việc chất lượng chăm sóc, giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ. Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là là nơi các bậc phụ huynh tin tưởng gửi gắm con em vào học tập.

Giá trị cốt lõi

- Nhà trường - chất lượng - hiệu quả - hội nhập - CBQL, GV, NV: Tinh thần đoàn kết - hợp tác; Khát vọng vươn lên - chăm chỉ; Trách nhiệm - trung thực; Yêu nghề - sáng tạo; Lòng tự trọng; Yêu nước - nhân ái.

- Học sinh: Trẻ phát huy tính tự lập và tự học; trẻ độc lập trong tính cách, tự chủ trong tư duy và tự tin thể hiện cá tính và năng lực của bản thân; trẻ có tình yêu thương đối với mọi người; hình thành tính tự kỷ luật cho bản thân; biết tôn trọng bản thân, môi trường và những người xung quanh; có tinh thần hợp tác nhóm.

*** Mục tiêu:**

- Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với giáo dục mầm non và công tác quản lý các hoạt động giáo dục; đẩy mạnh phân cấp, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình trong quản lý các hoạt động giáo dục.

- Đẩy mạnh công tác rà soát, sắp xếp, quy hoạch, củng cố quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non gắn với kế hoạch phát triển của địa phương; tăng cường các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non hướng

đến thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi.

- Tăng cường các giải pháp bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em; đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới.

- Đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, trong đó quan tâm đến đối tượng là trẻ em mầm non ở vùng dân tộc thiểu số, người sống ở miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

- Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới.

- Tăng cường đầu tư và thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa GDMN để đảm bảo và nâng cao các điều kiện bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường mầm non.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về GDMN; triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đặc biệt là trong công tác quản trị, quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

b) Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

- *Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (số lượng, trình độ đào tạo).*

1. Số lượng CBQL, giáo viên và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 23 người. Trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 03; Trình độ đào tạo: Đại học: 3/3 đạt 100%.

+ Giáo viên: 14 người. Chia theo trình độ đào tạo: Đại học: 12/14 đạt 85,7%; Trung cấp: 02/14 đạt 14,3%.

+ Nhân viên: 6 người: Trong đó: Kế toán: 01 người; VT-TQ: 01 người; Y tế: 01 người; Bảo vệ: 01; nhân viên nấu ăn: 02.

Trình độ đào tạo: Đại học: 01 người; Cao đẳng: 01 người; Trung cấp: 02 người. Chưa qua đào tạo: 02 người.

2. Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp.

Tổng số CBQL, GV được đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên: 17/17 người.

Trong đó: Xếp loại tốt: 7/17 đạt 41,17%; Xếp loại Khá: 10/17 đạt 58,83%.

3. Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV hoàn thành BDTX hàng năm

Tổng số CBQL, tham gia bồi dưỡng thường xuyên: 15/17 người (Có 2 giáo viên mới chưa tham gia bồi dưỡng thường xuyên).

Hoàn thành: 15/15 đạt 100%.

Không hoàn thành: 0

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng học, phòng chức năng.

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có tổng diện tích sử dụng là 11.478m², trong đó diện tích điểm trường Trung tâm: 4.921 m², điểm trường A Pa Chải: 810m², điểm trường Pờ Nhù Khô: 1.264 m², điểm trường Tá Miếu: 783m², điểm trường Tả Kô Ky: 1.550 m², điểm trường Tá Sú Linh: 600m², điểm trường Lý Mạ Tá: 1.550 m², Bình quân tối thiểu cho một trẻ là 93.3m², đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non (12m²/trẻ).

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

* Khối phòng hành chính, quản trị: Nhà trường có các khối phòng hành chính-quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 6 thông tư 13/2020/TT-BGDĐT như:

1) Phòng Hiệu trưởng có diện tích 16m², có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định như máy tính, máy in, bàn ghế làm việc, tủ đựng tài liệu, bàn ghế..

2) Phòng Phó Hiệu trưởng có diện tích 16 m² có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định như máy tính, máy in, bàn ghế làm việc, tủ đựng tài liệu, bàn ghế..

3) Văn phòng trường: 01 phòng diện tích 60 m², có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định như bàn ghế làm việc, tủ đựng tài liệu.

4) Phòng dành cho nhân viên 16 m², bàn ghế làm việc, tủ đựng tài liệu.

5) Phòng bảo vệ có diện tích 12 m² đặt ở cạnh cổng trường, dễ quan sát.

6) Khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên có phòng riêng cho vệ sinh nam, nữ.

7) Khu để xe của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có đủ chỗ để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

* Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tổng số phòng: 10 phòng, đảm bảo mỗi nhóm, lớp/1 phòng. Phòng ngủ: 02 phòng.

- Khu vệ sinh cho học sinh Trung Tâm và các điểm trường có khu vệ sinh tự hoại cho học sinh, riêng điểm trường Tá Miếu có khu vệ sinh khép kín với phòng học của học sinh.

* Khối phòng tổ chức ăn.

- Tổng số nhà bếp: Bếp ăn: 6 bếp (Nhà bếp kiên cố : 0; bán kiên cố: 01; lắp ghép: 03, tạm: 02.

* Khối phụ trợ:

1) Phòng họp: 01 phòng, sử dụng sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên.

2) Phòng Y tế: 01 phòng, tủ thuốc, các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh.

3) Nhà kho: 01 phòng dùng để các đồ dùng của nhà trường.

4) Sân vườn: Có sân chơi bãi tập cho học sinh, có vườn cây, rau cho trẻ khám phá và trải nghiệm.

5) Cổng, hàng rào: Trung Tâm và các điểm trường có cổng, hàng rào b4 ngăn cách với khu vực bên ngoài nhà trường.

3. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi điện có, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu: Tổng số lớp: 10 lớp.

Số lớp có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi: 9/10 lớp.

Số lớp thiếu thiết bị, đồ dùng, đồ chơi: 1/10 lớp.

4. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiếu bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

Có 6/6 sân chơi có 05 đồ chơi ngoài trời trở lên.

c) Công khai tài chính

Nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí kèm theo Quyết định công bố, công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 (có Quyết định công khai trên Website trường)

Căn cứ vào Quyết định số 355/QĐ-PGDĐT ngày 30/12/2024 của Phòng GD&ĐT huyện Mường Nhé. Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ vào Quyết định số 356/QĐ-PGDĐT ngày 30/12/2024 của Phòng GD&ĐT huyện Mường Nhé. Về việc giao kinh phí hỗ trợ học sinh theo Nghị

định 116/2016/NĐ-CP; hỗ trợ học sinh theo nghị định 105/2020/NĐ-CP; hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người năm 2025;

Căn cứ vào Quyết định số: 58/QĐ-PGDĐT ngày 06/03/2025 của Phòng GD&ĐT huyện Mường Nhé. Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm thiết bị phục vụ công tác dạy và học cho các đơn vị trường học thuộc huyện Mường Nhé năm 2025.

Căn cứ vào Quyết định số: 138/QĐ-PGDĐT ngày 17/04/2025 của Phòng GD&ĐT huyện Mường Nhé. Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ vào Quyết định số: 142/QĐ-PGDĐT ngày 22/04/2025 của Phòng GD&ĐT huyện Mường Nhé. Về việc giao kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP; Hỗ trợ học sinh khuyết tật theo TTLT 42/2023/TTLT-BGDĐT-BLDTBXH; Hỗ trợ học sinh theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP; Hỗ trợ học sinh theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP năm 2025.

Căn cứ vào Quyết định số: 28a/QĐ-UBND ngày 18/07/2025 của UBND xã Sín Thầu. Về việc tạm cấp kinh phí thực hiện chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ vào Quyết định số: 100/UBND ngày 27 tháng 08 năm 2025 của UBND xã Sín Thầu. Về việc tạm cấp kinh phí chi ngân sách địa phương (đợt 2), năm 2025.

Căn cứ vào Quyết định số: 201/QĐ-UBND ngày 26/09/2025 của UBND xã Sín Thầu. Về việc thực hiện phân bổ tạm cấp kinh phí chi ngân sách địa phương (đợt 3) , năm 2025.

Căn cứ vào Quyết định số: 252/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của UBND xã Sín Thầu. Về việc giao dự toán và phân bổ dự toán thu, chi NSDP năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025.

Căn cứ vào Quyết định số: 528/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã Sín Thầu. Về việc phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025.

Căn cứ vào Quyết định số: 577/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã Sín Thầu. Về việc phân bổ kinh phí năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã Sín Thầu.

Căn cứ vào Quyết định số: 578/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã Sín Thầu. Về việc phân bổ, bổ sung kinh phí năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện mua sắm trang thiết bị dạy học và chi trả các chế độ, chính sách đối với viên chức, hợp đồng.

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

Quý I: Kinh phí sự nghiệp giáo dục

+ Chi nhiệm vụ thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 175.826.133 đồng

- Kinh phí giao đầu năm: 6.642.316.000 đồng

- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng

- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 1.697.438.201 đồng
- + Chi các nhiệm vụ không thường xuyên:
 - Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
 - Kinh phí giao đầu năm: 436.406.300 đồng
 - Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
 - Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
 - Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 6.600.000 đồng

Quý II: Kinh phí sự nghiệp giáo dục

- + Chi nhiệm vụ thường xuyên:
 - Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
 - Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng
 - Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
 - Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
 - Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 1.678.460.679 đồng
- + Chi các nhiệm vụ không thường xuyên:
 - Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
 - Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng
 - Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 70.360.000 đồng
 - Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
 - Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 191.880.000 đồng

Quý III: Kinh phí sự nghiệp giáo dục (chính quyền 2 cấp)

- + Chi nhiệm vụ thường xuyên:
 - Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
 - Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng
 - Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
 - Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
 - Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 0 đồng
- + Chi các nhiệm vụ không thường xuyên:
 - Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
 - Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng
 - Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
 - Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
 - Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 0 đồng

Quý IV: Kinh phí sự nghiệp giáo dục (chính quyền 2 cấp)

- + Chi nhiệm vụ thường xuyên:
 - Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
 - Kinh phí giao 6 tháng cuối năm: 3.439.200.100 đồng

- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 7.000.000 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 3.439.200.100 đồng
- + Chi các nhiệm vụ không thường xuyên:
- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 465.000.000 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 461.160.638 đồng

Các khoản chi chế độ học sinh năm học 2024 - 2025 như sau:

Tiền chế độ ăn trưa 5 tháng 2025: Tổng số học sinh 77 trẻ với tổng số tiền 61.280.000 đồng.

Tiền hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng năm 2025: 72 trẻ .Tổng số tiền: 54.000.000 đồng. Thực hiện chi trả tiền mặt và chuyển khoản cho phụ huynh học sinh.

Học sinh miễn và giảm 100% học phí 5 tháng đầu năm 2025: 46 trẻ với số tiền: 9.200.00 đồng

Học sinh miễn và giảm 70% học phí 5 tháng đầu năm 2025: 27 trẻ với số tiền: 3.780.00 đồng

Học sinh miễn và giảm 50% học phí 5 tháng đầu năm 2025: 2 trẻ với số tiền: 200.000 đồng

Lớp ghép 5 tháng đầu năm: 13.950.000 đồng

Hỗ trợ nhân viên nấu ăn 5 tháng đầu năm 2025: 24.000.000đ

Thông báo các khoản dự toán chi chế độ năm học 2025 - 2026.

Tiền chế độ ăn trưa : Tổng số học sinh 70, tổng số tiền: 44.800.000 đồng

Tiền hỗ trợ chi phí học tập 4 tháng cuối năm 2025: Tổng số học sinh 59 số tiền: 35.400.000 đồng

Học sinh miễn học phí: 0 học sinh: số tiền 0 đồng

Học sinh khuyết tật: số tiền 0 đồng

Học sinh dân tộc rất ít người : 2 học sinh , Số tiền 5.616.000 đồng

Lớp ghép 4 tháng cuối năm 2025: số tiền 9.000.000 đồng

Hỗ trợ nhân viên nấu ăn 4 cuối năm 2025: 19.200.000đ

Tiền trực trưa ngoài giờ lên lớp : 5.600.000 đồng

Hỗ trợ ăn trưa 4 tháng cuối năm 2025 cho nhà trẻ theo NDD66/2025 /NĐ-CP: 24.480.000 đồng

Hỗ trợ mua đồ dùng, sách vở cho nhà trẻ theo NDD66/2025 /NĐ-CP: 10.200.000 đồng

Thông báo các khoản dự toán chi chế độ năm học 2025 - 2026.

+ Quý 1 năm 2025 từ tháng 01-tháng 05 năm 2025

Trẻ mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa theo nghị định 105 của CP: 78 trẻ

Trẻ nhà trẻ ăn theo dự án nuôi em là: 32 trẻ

+ Trẻ hưởng CPHT là: 72 trẻ

CBHP là: 78 trẻ

***Trẻ hưởng chế độ ăn từ tháng 09-12 năm 2025 như sau:**

Trẻ mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa theo nghị định 105 của CP: 70 trẻ.

Trẻ nhà trẻ được hỗ trợ ăn trưa theo nghị định 66 của chính phủ là: 17 trẻ

Trẻ em được ăn theo dự án nuôi em là: 62 trẻ;

Trẻ được hỗ trợ chi phí học tập: 59 trẻ

Chế độ lớp ghép cho giáo viên 5/14 giáo viên; chế độ trẻ khuyết tật: 0 trẻ.
HS dân tộc rất ít người: 02 trẻ

*** Trẻ hưởng chế độ ăn từ tháng 01-05 năm 2026 như sau:**

Trẻ được hưởng theo nghị định 105 của chính phủ: 21 trẻ

Trẻ được hưởng theo nghị định 277 của chính phủ: 73 trẻ (Trẻ 3-4 tuổi)

Trẻ được hưởng theo nghị định 66 của chính phủ: 22 trẻ (học sinh nhà trẻ)

- Trẻ được hỗ trợ chi phí học tập: trẻ

3. Nội dung công khai loại hình cơ sở giáo dục

- Trường có 9/9 nhóm lớp. Trong đó: 02 nhóm trẻ ghép = 22 học sinh, 7 lớp mẫu giáo (trong đó: 6 lớp mẫu giáo ghép 2-3 độ tuổi = 65 học sinh và 1 lớp mẫu giáo đơn = 10 học sinh. Giảm 11 trẻ (so với năm học 2024-2025).

- Chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường Thành lập Hội đồng biên soạn Chương trình giáo dục của nhà trường để xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường trên cơ sở Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành; điều kiện thực tế của lớp, của trường và địa phương để lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của trẻ, đảm bảo mục tiêu phát triển của trẻ cuối độ tuổi

Triển khai và thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc, giáo dục trẻ theo đúng nội dung chương trình của Bộ Giáo dục, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, tổ chức thực hiện chương trình đổi mới giáo dục mầm non theo sự chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp, đẩy mạnh hoạt động các chuyên đề: “Tăng cường tiếng việt cho trẻ”; chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; chuyên đề “ xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm” theo giai đoạn. Trường đã chỉ đạo các nhóm, lớp đã căn cứ vào chương trình giáo dục nhà trường xây dựng kế hoạch năm học, chủ đề, tuần, ngày phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của nhóm, lớp; khung thời gian năm học xây dựng phân phối chương trình 35 tuần thực học. Các loại kế hoạch lồng ghép các chuyên đề, phương pháp giáo dục steam trong giảng dạy. Kế hoạch ngày đảm bảo kiến thức, kỹ năng cần đạt cho từng độ tuổi. Các nhóm lớp đã vận dụng phương pháp dạy học steam hình thức tổ chức linh hoạt, sáng tạo phù hợp khả năng nhận thức của trẻ.

Học kỳ 1 năm học 2025 - 2026 có 9 nhóm lớp và 97 trẻ tập trung nâng cao chất lượng giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non. Chất lượng công tác giáo dục: 100% trẻ nhà trẻ theo dõi tròn tháng và được đánh giá theo giai đoạn theo quy định; trẻ đạt 17/21 trẻ; Có 100% trẻ mẫu giáo được đánh giá cuối chủ đề, có trên 90% trẻ đạt mục tiêu các lĩnh vực cuối độ tuổi. Riêng trẻ 5 tuổi các mục tiêu thuộc các lĩnh vực đạt trên 95% trở lên.

Thực hiện tốt Chương trình GDMN 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, trẻ đi học chuyên cần 97/97, đạt 100%; 100% trẻ DTTS được tăng cường tiếng Việt vào các buổi chiều và lồng ghép các hoạt động CSGD trẻ trong ngày.

- Điều kiện bảo đảm an toàn, chăm sóc sức khỏe trẻ em.

Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu và đã hướng dẫn các lớp tổ chức thực hiện tốt, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần theo đúng Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT và Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 ban hành quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non. Thực hiện chế độ dinh dưỡng, đảm bảo cho trẻ ăn đủ bữa trong ngày và an toàn; Chất lượng bữa ăn của trẻ cũng được quan tâm, đảm bảo đủ lượng, đủ chất, đáp ứng năng lượng trong ngày cho trẻ.

Tổ chức ăn bán trú tại trường: 9/9 lớp với 97/97 trẻ đạt 100% bằng nguồn kinh phí hỗ trợ của nhà nước và dự án nuôi em hỗ trợ.

100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần, được tiêm chủng phòng bệnh đầy đủ theo đúng quy định của y tế. Chăm sóc sức khỏe tốt, phòng bệnh, phòng chống dịch, bệnh an toàn.

97/97 trẻ đạt 100% số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ, khám sức khỏe định kì.

Trường đã đạt tiêu chuẩn “Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích” trong đó 100% số nhóm trẻ đạt tiêu chuẩn an toàn do trường đề ra.

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi giảm so với đầu năm.

4. Công khai Báo cáo thường niên

- Nhà trường lập Báo cáo thường niên theo đúng mẫu và nội dung quy định tại Phụ lục 1 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3/6/2024 Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

- Thời điểm công khai Báo cáo thường niên: Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại các phụ lục kèm theo Thông

- Hình thức công khai Báo cáo thường niên (trực tuyến và/hoặc niêm yết): Thực hiện công khai thêm trên cổng thông tin điện tử và bảng tin nhà trường.

5. Hình thức và thời hạn công khai thông tin

a) Hình thức công khai

- Nhà trường thực hiện công khai trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục: <https://mnsinthau.muongnhe.edu.vn>

- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường theo quy định.

b) Thời hạn công khai

- Thông tin công khai trên trang thông tin điện tử được duy trì tối thiểu 05 năm.

- Thông tin niêm yết công khai tại trường bảo đảm tối thiểu 90 ngày.

c) Khả năng tiếp cận thông tin

- Thông tin dễ tìm, dễ đọc, dễ tải xuống.

- Nội dung công khai rõ ràng, không gây hiểu nhầm cho người học, phụ huynh và xã hội.

6. Việc thực hiện kiểm tra, giám sát nội bộ và tiếp nhận phản ánh

- Nhà trường đưa nội dung công khai vào kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học. Tổ chức tự kiểm tra, giám sát theo đúng kế hoạch về công khai thông tin.

- Có đầy đủ hồ sơ tự kiểm tra theo quy định: Quyết định, biên bản, báo cáo, thông báo kết quả kiểm tra (trong hồ sơ kiểm tra nội bộ nhà trường)

- Cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung công khai.

Trên đây là báo cáo thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của trường mầm non Sín Thầu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HSCV (CBQL, GV, NV);
- Lưu: VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Mơ